

**TH T NG CHÍNH PH C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM**  
**c l p - T do - H nh phúc**

S : 1012 /Q -TTg

*Hà N i, ngày 03 tháng 7 n m 2015*

**QUY T NH**

**V vi c phê duy t Quy ho ch phát tri n h th ng trung tâm logistics  
trên à bàn c n c n n m 2020, nh h ng n n m 2030**

**TH T NG CHÍNH PH**

C n c Lu t T ch c Chính ph ngày 25 tháng 12 n m 2001;

C n c Ngh nh s 92/2006/N -CP ngày 07 tháng 9 n m 2006 c a Chính ph v l p, phê duy t và qu n lý quy ho ch t ng th phát tri n kinh t - xã h i; Ngh nh s 04/2008/N -CP ngày 11 tháng 01 n m 2008 c a Chính ph s a i, b sung m t s i u c a Ngh nh s 92/2006/N -CP ngày 07 tháng 9 n m 2006 c a Chính ph ;

Xét ngh c a B tr ng B Công Th ng t i T trình s 12065/TTr-BCT ngày 02 tháng 12 n m 2014 và Công v n s 3801/BCT-TTTN ngày 20 tháng 4 n m 2015,

**QUY T NH:**

**ì u 1.** Phê duy t Quy ho ch phát tri n h th ng trung tâm logistics trên à bàn c n c n n m 2020, nh h ng n n m 2030 v i nh ng n i dung ch y u sau ây:

**I. QUAN I M PHÁT TRI N**

1. Phát tri n các trung tâm logistics tr thành các trung tâm d ch v òng c t trong l u thông và phân ph i hàng hóa, ph c v c l c cho s n xu t, tiêu dùng hàng hóa trong n c và xu t nh p kh u, thúc y phát tri n kinh t - xã h i chung c a c n c.

2. Phát tri n các trung tâm logistics theo h ng ng b , chuyên nghi p và hi n i; g n k t h p lý v i quy ho ch phát tri n th ng m i, công nghi p, giao thông ng b , ng th y, ng s t, ng hàng không, quy ho ch s d ng t và các quy ho ch phát tri n h th ng h t ng kinh t - xã h i khác c a các vùng trong c n c; t ng b c h i nh p vào th tr ng d ch v logistics trong khu v c và trên th gi i.

3. Phát triển các trung tâm logistics dựa trên sự huy động tích cực mọi nguồn lực của xã hội, bao gồm các nguồn lực từ các nhà đầu tư nước ngoài. Bộ môn huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng và khai thác các trung tâm logistics trên phạm vi cả nước.

4. Phát triển các trung tâm logistics có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở xác định số lượng, quy mô, vị trí các trung tâm logistics phù hợp với tình hình.

5. Phát triển các trung tâm logistics theo hướng bền vững, kết hợp chặt chẽ với bộ môn an ninh quốc phòng, tổ chức làm tích cực, thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng miền, giảm thiểu cạnh tranh, bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

## **II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

1. Phát triển mạng lưới trung tâm logistics bộ môn đáp ứng tốt nhu cầu của sản xuất và lưu thông hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Khai thác có hiệu quả thị trường dịch vụ logistics của Việt Nam, trong đó tập trung vào các dịch vụ logistics thuê ngoài, tích hợp trọn gói và ứng dụng, tổ chức và hoạt động theo mô hình logistics bên thứ 3 (3PL) nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển thông qua việc tối ưu hóa chi phí và bổ sung giá trị gia tăng cho hàng hóa và dịch vụ của các doanh nghiệp. Tăng bước triển khai mô hình logistics bên thứ 4 (4PL) và logistics bên thứ 5 (5PL) trên cơ sở phát triển thế mạnh hiện tại và quản trị chuỗi cung ứng hiện đại, hiệu quả, chuyên nghiệp.

2. Phấn đấu năm 2020, tốc độ tăng trưởng dịch vụ logistics đạt khoảng 24% - 25%/năm, đóng góp vào GDP toàn nền kinh tế là 10%, thị trường dịch vụ logistics thuê ngoài khoảng 40%, giảm thiểu chi phí logistics của toàn nền kinh tế so với GDP còn khoảng 20%. Đến năm 2030, các chỉ tiêu này lần lượt là 34% - 35%/năm, 15%, 65%/năm và 15% - 17%/năm.

## **III. NHẪN NG PHÁT TRIỂN**

1. Phát triển các trung tâm logistics hạng I cấp quốc gia và quốc tế, có vị trí và vai trò là trung tâm quốc gia. Trong các trung tâm quốc gia này, phát triển theo hình thức đầu tiên là các trung tâm logistics hạng II cấp vùng, tiểu vùng và hành lang kinh tế; bám sát và hỗ trợ lưu thông hàng hóa sản xuất, nhập khẩu ưu tiên đường, xuất khẩu của các vùng, tiểu vùng và trên các hành lang kinh tế; kết nối với hệ thống công nghiệp, công nghiệp, công nghiệp hàng không, giao thông, mạng lưới giao thông ứng dụng, các cửa khẩu quốc gia, cửa khẩu quốc tế và khu kinh tế cửa khẩu, các khu công nghiệp, khu sản xuất hàng hóa tập trung...

2. Hình thành và phát triển các trung tâm logistics chuyên dùng, trọng tâm là các trung tâm logistics chuyên dùng hàng không gắn liền với các cảng hàng không, kết nối cùng với hệ thống các trung tâm logistics hàng I và hàng II hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hoặc trung chuyển hàng hóa qua các loại hình vận tải đa phương thức, phục vụ cho nhập vào và xuất ra các sản xuất công nghiệp tại các khu công nghiệp, trung tâm công nghệ cao, vùng sản xuất tập trung quy mô lớn.

#### IV. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN

##### 1. Tiêu chí quy hoạch

a) Dựa trên cơ sở dung lượng thiết kế dịch vụ logistics phục vụ cho phát triển lưu thông hàng hóa, sản xuất, tiêu dùng và xuất nhập khẩu của các khu vực, vùng miền trong nước. Bộ quy mô nhu cầu phù hợp, mức tập trung cao và có khả năng phát triển bền vững, lâu dài.

b) Ưu tiên tận dụng và cải thiện hệ thống giao thông vận tải. Bám sát kết cấu hạ tầng giao thông và các hành lang vận tải. Sử dụng thuận tiện, chi phí thấp là một phương thức trong mạng lưới vận tải đa phương thức.

c) Bộ quan hệ chặt chẽ với các đối tác; kết nối với các nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, các loại hình công nghiệp, các nhà ga, bến xe, các khách sạn, các khu công nghiệp và khu sản xuất hàng hóa tập trung...; kết nối với các khách hàng tiêu thụ, trọng tâm là các nhà phân phối bán buôn, bán lẻ hàng hóa, các nhà xuất khẩu...

d) Có lợi thế về vị trí địa lý, gần nguồn cung cấp hàng hóa như khu công nghiệp, hệ thống cảng, khách sạn, ... hoặc gần thị trường, khách hàng tiêu thụ. Trong đó, ưu tiên lựa chọn xác định các trung tâm logistics có lợi thế gần thị trường, dựa trên tiêu dùng tập trung, có sức tiêu thụ lớn và bền vững, thế mạnh phát triển, hoạt động mua bán sôi động, có mạng lưới phân phối rộng lớn và các phân bố về mặt cao.

e) Phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội khác của vùng và địa phương. Bộ quy mô bố trí các phân khu chức năng, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của trung tâm.

Trung tâm logistics hàng I có vị trí gần hoặc có thể kết nối với cảng biển, cảng hàng không quốc tế, có công nghệ tích hợp đầy đủ, triển khai các dịch vụ của trung tâm logistics, hoạt động nhậm chức, bãi container, kho ngoại quan, kho CFS, quy mô diện tích từ 20 ha trở lên, bán kính phục vụ thị trường là trên 100 km.

Trung tâm logistics hạng II có vị trí nằm các trung tâm kinh tế, thị trường tiêu thụ lớn, các vùng sản xuất tập trung, cụm thị trấn công nghiệp chính, chủ yếu các trung tâm logistics, hoạt động như bãi container, kho ngoại quan, kho CFS, quy mô diện tích từ 10 ha trở lên, bán kính phục vụ thị trường là trên 50 km.

Trung tâm logistics chuyên dùng gắn liền hoặc có mạng giao thông thuận tiện kết nối trực tiếp các cảng hàng không, diện tích thị trường là 03 ha.

e) Các trung tâm logistics chuyên dùng gắn liền với các cảng hàng không phải phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển hệ thống cảng hàng không các nước, tập trung thể hiện các dịch vụ logistics với các mặt hàng công nghệ cao, hàng hóa dễ hỏng, hàng hóa có giá trị lớn...; kết nối và phục vụ hoạt động của doanh nghiệp trong các khu công nghiệp hiện tại và các trung tâm công nghệ chủ yếu tiên tiến trên địa bàn các vùng kinh tế trọng điểm Bắc - Trung - Nam, trở thành trung tâm đầu mối trong lưu thông, phân phối với thị trường, hàng hóa hiện tại, phát triển, tinh gọn, giá trị cao và dễ dàng thu nhập, thu ra các doanh nghiệp này, tăng cường mở rộng công nghiệp, phục vụ cho hoạt động tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu qua các cảng hàng không quốc tế trên địa bàn nước.

## 2. Phương án quy hoạch

a) Miền Bắc: Hình thành và phát triển 07 Trung tâm logistics hạng I, hạng II và 01 Trung tâm logistics chuyên dùng gắn liền với các cảng hàng không tại địa bàn các vùng, thị trường và hành lang kinh tế.

- Vùng đồng bằng sông Hồng:

+ Thành phố Hà Nội và các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô: 01 Trung tâm hạng I (Bắc Hà Nội), 01 Trung tâm hạng II (Nam Hà Nội). Giai đoạn năm 2020 (giai đoạn I), Trung tâm Bắc Hà Nội có quy mô thị trường 20 ha, Trung tâm Nam Hà Nội có quy mô thị trường 15 ha. Giai đoạn năm 2030 (giai đoạn 2), Trung tâm Bắc Hà Nội có quy mô trên 50 ha, Trung tâm Nam Hà Nội có quy mô trên 30 ha; kết nối với các cảng biển, cảng biển (Hải Phòng, Hòn Gai, Cái Lân) và các cảng hàng không (trọng điểm là Cảng hàng không quốc tế Nội Bài), các bến xe, nhà ga, các khu công nghiệp,...; phạm vi hoạt động chủ yếu là địa bàn Hà Nội và các địa phương thuộc Vùng Thủ đô, các tỉnh lân cận phía Bắc và phía Nam Hà Nội. 01 Trung tâm logistics chuyên dùng hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài hoặc có mạng giao thông thuận tiện kết nối trực tiếp các cảng hàng không và có khả năng kết nối với vận tải địa phương theo quy mô thị trường 5 - 7 ha (giai đoạn I) và trên 7 ha (giai đoạn II);

+ Hành lang kinh tế ven biển Đông Nam Bộ b : 01 Trung tâm hàng II có quy mô tối thiểu 10 ha năm 2020 và trên 30 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu gồm các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình và phía Đông Nam Hà Nội; kết nối với các cảng biển, cảng biển (Hải Phòng, Hòn Gai, Cái Lân), cảng hàng không, nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp p...;

+ Hành lang kinh tế ven biển Đông Bộ B b : 01 Trung tâm hàng II có quy mô tối thiểu 20 ha năm 2020 và trên 40 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu gồm các tỉnh và thành phố: Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh và phía Đông Bắc Hà Nội; kết nối với các cảng biển, cảng biển (Hải Phòng, Hòn Gai, Cái Lân), cảng hàng không, nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp p, các cửa khẩu (thuộc tỉnh Quảng Ninh).

- Vùng trung du và miền núi phía Bắc:

+ Hành lang kinh tế Hà Nội - Lạng Sơn: 01 Trung tâm hàng II có quy mô tối thiểu 10 ha năm 2020 và trên 20 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu gồm các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng và Bắc Kạn; kết nối với các cảng biển, cảng biển (Hải Phòng, Hòn Gai, Cái Lân), cảng hàng không, nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp p, các cửa khẩu (thuộc các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng);

+ Hành lang kinh tế Hà Nội - Lào Cai: 01 Trung tâm hàng II có quy mô tối thiểu 20 ha năm 2020 và trên 30 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu gồm các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang và Hà Giang; kết nối với các cảng biển, cảng biển (Hải Phòng, Hòn Gai, Cái Lân), cảng hàng không, nhà ga, bến xe các khu công nghiệp p, các cửa khẩu (thuộc các tỉnh Lào Cai, Hà Giang);

+ Hành lang kinh tế Tây Bộ B b : 01 Trung tâm hàng II có quy mô tối thiểu 10 ha năm 2020 và trên 20 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu gồm các tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên và Lai Châu; kết nối với các cảng biển, cảng biển (Hải Phòng, Hòn Gai, Cái Lân), cảng hàng không, nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp p, các cửa khẩu (thuộc các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu);

b) Miền Trung - Tây Nguyên: Hình thành và phát triển 06 Trung tâm logistics hàng I, hàng II và 01 Trung tâm logistics chuyên dùng hàng không tại các vùng, tiểu vùng và hành lang kinh tế .

- Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung:

+ Khu vực thành phố Đà Nẵng: 01 Trung tâm hàng I, giai đoạn năm 2020 có quy mô tối thiểu 30 ha, giai đoạn năm 2030 có quy mô trên 70 ha, phạm vi hoạt động chủ yếu là Đà Nẵng và các tỉnh lân cận; kết nối

vị các công nhân, công nhân (à Nông, K Hà, Chân Mây), nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp... 01 Trung tâm logistics chuyên dùng hàng không tại Công hàng không quốc tế à Nông học có mạng giao thông thuận tiện kết nối trực tiếp công hàng không với quy mô tối thiểu 3 - 4 ha (giai đoạn I) và 7 - 8 ha (giai đoạn II);

+ Hành lang kinh tế vùng 8, vùng 12A và duyên hải Bắc Trung bộ : 01 Trung tâm hàng II có quy mô tối thiểu 20 ha năm 2020 và trên 40 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình; kết nối với các công nhân, công nhân (Nghệ Sơn, C a Lò, Hòn La, Vũng Áng), công hàng không, nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp, các cửa khẩu (thuộc các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình);

+ Hành lang kinh tế vùng 9: 01 Trung tâm hàng II có quy mô tối thiểu 10 ha năm 2020 và trên 20 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu gồm các tỉnh Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị, Quảng Bình và phía Bắc à Nông; kết nối với các công nhân, công nhân (Hòn La, Chân Mây), công hàng không, nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp, các cửa khẩu (thuộc các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình);

+ Hành lang kinh tế vùng 14B: 01 Trung tâm hàng II có quy mô tối thiểu 10 ha năm 2020 và trên 20 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và phía Nam à Nông; kết nối với các công nhân, công nhân (à Nông, K Hà, Chân Mây), công hàng không, nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp, các cửa khẩu (thuộc tỉnh Quảng Nam);

+ Hành lang kinh tế vùng 19 và duyên hải Nam Trung bộ : 01 Trung tâm hàng II có quy mô tối thiểu 20 ha năm 2020 và trên 30 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu gồm các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và hướng lên các tỉnh Tây Nguyên; kết nối với các công nhân, công nhân (Quy Nhơn, Dung Quất, Ba Ngòi), công hàng không, nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp, các cửa khẩu (thuộc các tỉnh vùng Tây Nguyên)....

- Vùng Tây Nguyên:

Hành lang kinh tế Đông Trường Sơn: 01 Trung tâm hàng II có quy mô tối thiểu 10 ha năm 2020 và trên 20 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu gồm các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk, Đăk Nông và hướng ra các tỉnh duyên hải; kết nối với các công nhân, công nhân (thuộc các tỉnh vùng duyên hải), công hàng không, nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp, các cửa khẩu (thuộc các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk, Đăk Nông).

c) Miền Nam: Hình thành và phát triển 05 trung tâm logistics hạng I, hạng II và 01 trung tâm logistics chuyên ngành hàng không tại các vùng, tiểu vùng và hành lang kinh tế.

- Vùng Đông Nam Bộ:

+ Khu vực thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận: 02 Trung tâm hạng II (phía Bắc thành phố, phía Nam thành phố), quy mô giai đoạn năm 2020 tối thiểu là 40 ha và giai đoạn năm 2030 là trên 70 ha, phạm vi hoạt động chủ yếu vùng thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận phía Bắc, phía Nam thành phố; kết nối với các cảng biển, cảng biển (cảng biển Sài Gòn, cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu), nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp... 01 trung tâm logistics chuyên ngành hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Long Thành hoặc có mạng giao thông thuận tiện kết nối trực tiếp với cảng biển quy mô tối thiểu 3 - 4 ha (giai đoạn I) và 7 - 8 ha (giai đoạn II);

+ Tiểu vùng kinh tế các tỉnh Đông Bộ thành phố Hồ Chí Minh: 01 Trung tâm hạng I có quy mô tối thiểu 60 ha năm 2020 và trên 100 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu vùng các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Bình Định, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai và Lâm Đồng; kết nối với các cảng biển, cảng biển (cảng biển Sài Gòn, cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu), nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp, các cửa khẩu (thuộc các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Đồng Nai);

+ Tiểu vùng kinh tế các tỉnh Tây Nam thành phố Hồ Chí Minh: 01 Trung tâm hạng II có quy mô tối thiểu 20 ha năm 2020 và trên 50 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu vùng các tỉnh Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp và Bến Tre; kết nối với các cảng biển, cảng biển (cảng biển Sài Gòn, cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu, Mỹ Tho), cảng hàng không, nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp, các cửa khẩu (thuộc các tỉnh Long An, Đồng Tháp);

- Tiểu vùng kinh tế trung tâm vùng sông Cửu Long: 01 Trung tâm hạng II có quy mô tối thiểu 30 ha năm 2020 và trên 70 ha năm 2030; phạm vi hoạt động chủ yếu vùng các tỉnh và thành phố: Cần Thơ, Trà Vinh, Hậu Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng và An Giang; kết nối với các cảng biển, cảng biển (Cần Thơ, Mỹ Tho), cảng hàng không, nhà ga, bến xe, các khu công nghiệp, các cửa khẩu (thuộc các tỉnh Kiên Giang, An Giang).

### 3. Lựa chọn các dự án ưu tiên ưu tú

Danh mục các dự án trung tâm logistics ưu tiên ưu tú trong giai đoạn 2015 - 2020 tại Phần I đính kèm.

## V. GIỚI THIỆU, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CHỈ DẪN

1. Hiện đại hóa, đa dạng, bổ sung các chính sách, chính sách hiện hành nhằm huy động tối đa nguồn lực trong nước và ngoài nước phát triển hệ thống trung tâm logistics; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng và quản lý khai thác các trung tâm logistics bằng nhiều hình thức theo quy định pháp luật; khuyến khích đầu tư và phát triển dịch vụ logistics, giảm chi phí vận chuyển trung tâm logistics chuyên dụng gắn với cảng hàng không, kho hàng không kéo dài có yêu cầu riêng về an ninh, an toàn kiểm tra, giám sát liên quan.

2. Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức đầu tư theo hướng ý mnh xã hội hóa; vận dụng linh hoạt các chính sách hỗ trợ, ưu đãi hiện hành phù hợp với điều kiện thực tế kinh tế - xã hội phát triển và phát triển, thu hút, giá, phí, lệ phí, chuyển giao công nghệ, nâng quy mô....

3. Đánh giá, lựa chọn mô hình công trình trình trình và cấp thí điểm, có vai trò quan trọng và có khả năng tạo đột phá lớn áp dụng thực hiện các quy định ưu tú theo hình thức tác động - t ; ưu tiên ưu tú nâng cấp các trung tâm logistics hiện có, phù hợp quy hoạch và hoạt động có hiệu quả trong thời gian qua.

4. Lựa chọn các nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm thực hiện đầu tư các trung tâm logistics theo Quy hoạch này, đặc biệt là ưu tiên các trung tâm logistics chuyên dụng hàng không có các yêu cầu, tiêu chuẩn riêng về an toàn, an ninh.

5. Bổ trợ và phù hợp dành cho phát triển hệ thống trung tâm logistics. Các nhà đầu tư, lĩnh vực trong việc thực hiện các chính sách tài trợ cho xây dựng các trung tâm logistics. Thực hiện ưu đãi quy định theo quy định pháp luật đối với các dự án có vị trí kinh doanh thuận lợi.

6. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực làm công tác quản lý, xây dựng, vận hành, khai thác các trung tâm logistics. Nâng cao chất lượng ý mnh về công nghệ thông tin và công nghệ quản lý hiện đại trong tổ chức và hoạt động của các trung tâm logistics kết hợp với từng



c ồng u t ph ồng t i n, thi t b k thu t tiên t i n, b o m các trung tâm logistics th c hi n ch c n ồng và công n ồng m t cách lâu dài v i hi u qu cao, c nh tranh và h i nh p c v i các trung tâm logistics c a khu v c và th gi i.

7. Khuy n khích các doanh nghi p s n xu t, kinh doanh, nh t là các doanh nghi p phân ph i hàng hóa trong n c và xu t nh p kh u, t ồng c ồng s d ồng d ch v cung ồng b i các trung tâm logistics nh m gi m chi phí, nâng cao s c c nh tranh, m r ồng th ph n và qu ồng bá th ồng hi u cho doanh nghi p, ồng th i t o ồng l c thúc y phát tri n cho các trung tâm logistics.

8. Nâng cao ch t l ồng và hi u qu công tác qu n lý nhà n c trong quá trình tri n khai th c hi n quy ho ch phát tri n h th ồng trung tâm logistics, b o m t ồng thích và ồng b v i quy ho ch phát tri n kinh t - xã h i, quy ho ch giao thông, quy ho ch xây d ồng, quy ho ch ô th và các quy ho ch chuyên ngành khác nh quy ho ch th ồng m i, quy ho ch các khu công nghi p, khu s n xu t hàng hóa t p trung, khu kinh t và kinh t c a kh u... c a các ngành, các a ph ồng và c n c.

9. Nâng cao ch t l ồng h th ồng giao thông v n t i hi n có, u tiên huy ồng các ngu n l c xây d ồng h th ồng ồng b cao t c, ồng s t t c cao có l u l ồng giao thông l n trên hành lang B c - Nam, ông - Tây; hi n i hóa h th ồng nhà ga, b n c ồng, kho bãi, phát tri n các tuy n giao thông v i các n c láng gi ồng, ồng xuyên Á... b o m k t n i thu n t i n gi a các trung tâm logistics v i nhau, gi a các trung tâm logistics v i khu v c s n xu t, các a bàn tiêu th và các u m i giao thông.

10. Tì p t c thu n l i hóa các th t c h i quan nh m t o i u ki n cho các hàng hóa nh p kh u, xu t kh u và quá c nh qua Vi t Nam, t ó phát tri n các lo i hình v n chuy n hàng hóa a ph ồng th c và hình thành các trung tâm trung chuy n hàng hóa mang t m khu v c và qu c t t i Vi t Nam.

## **i u 2. T ch c th c hi n**

### **1. B Công Th ồng:**

a) Công khai r ồng rãi Quy ho ch phát tri n h th ồng trung tâm logistics trên a bàn c n c n n m 2020, nh h ồng n n m 2030.

b) Ch trì, ph i h p v i các b , ngành và y ban nhân dân các t nh, thành ph t r c thu c Trung ồng có liên quan t ch c tri n khai th c hi n Quy ho ch phát tri n h th ồng trung tâm logistics trên a bàn c n c n n m 2020, nh h ồng n n m 2030; rà soát phân h ồng, công b các trung tâm logistics theo Quy ho ch; nh k t ch c thanh tra, ki m tra ánh giá tình hình th c hi n Quy ho ch.

c) Chủ tịch xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung và hình thức Quy hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế của ngành và bàn trong trường hợp có sự biến động kinh tế - xã hội và nhu cầu dịch vụ logistics.

## 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư :

a) Chủ tịch, phó chủ tịch các Bộ, cơ quan, địa phương có liên quan hướng dẫn, xem xét, áp dụng các quy định và dự án đầu tư xây dựng và khai thác trung tâm logistics theo hình thức liên doanh - hợp tác.

b) Chủ tịch, phó chủ tịch Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các chính sách, chính sách pháp lý khuyến khích đầu tư phát triển dịch vụ logistics, giảm chi phí trung tâm logistics chuyên dùng hàng không, kho hàng không kéo dài có yêu cầu riêng về an ninh, an toàn kiểm tra, giám sát liên quan.

## 3. Bộ Giao thông vận tải :

a) Tập trung triển khai thực hiện các dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống giao thông vận tải, ưu tiên huy động các nguồn lực xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc, nâng cấp đường cao cấp lưu thông hàng hóa trên hành lang Bắc - Nam, Đông - Tây; hiện đại hóa hệ thống nhà ga, bến cảng, kho bãi, phát triển các tuyến giao thông vận tải các nước láng giềng, xuyên Á... bố trí nhân lực thu hút đầu tư các trung tâm logistics với nhau, giữa các trung tâm logistics với khu vực sản xuất, các địa phương tiêu thụ và các trung tâm giao thông.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát bố trí nhân lực về an ninh, an toàn và các điều kiện cần thiết khác liên quan đến các dự án đầu tư trung tâm logistics chuyên dùng hàng không, kho hàng không kéo dài.

4. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quy hoạch này bố trí các quan chức, nhân lực, ngân sách và địa phương, chính sách phát triển hệ thống trung tâm logistics thống nhất, đồng bộ và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương và cấp trên.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí nguồn lực xây dựng các trung tâm logistics phù hợp với Quy hoạch đã phê duyệt này.

**Điều 3.** Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điểm 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

**Nội dung:**

- Ban Bí thư Trung ương;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban chấp hành;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban chấp hành Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TG Cục TT T, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b).

**TH T NG**

**(ã ký)**

**Nguyễn Tấn Dũng**

**Ph 1 c I**  
**DANH M C CÁC D ÁN TRUNG TÂM LOGISTICS**  
**U TIÊN U T N N M 2020**  
*(Ban hành kèm theo Quy t nh s 1012 /Q -TTg*  
*ngày 03 tháng 7 n m 2015 c a Th t ng Chính ph )*

<b>S TT</b>	<b>Tên d án</b>	<b>H ng</b>	<b>Di n tích m t b ng</b>
1	TT logistics B c Hà N i	I	20 - 30 ha
2	TT logistics trên hành lang kinh t ven bi n ông B c B c b	II	20 ha
3	TT logistics khu v c thành ph à N ng	I	30 - 40 ha
4	TT logistics trên hành lang kinh t ng 19 và duyên h i Nam Trung b	II	20 ha
5	TT logistics ti u vùng kinh t các t nh ông B c thành ph H Chí Minh (thu c vùng ông Nam b )	I	60 - 70 ha
6	TT logistics ti u vùng kinh t trung tâm ng b ng sông C u Long	II	30 ha
7	TT logistics hàng không thu c vùng ng b ng Sông H ng (g n v i C ng hàng không qu c t N i Bài)	Chuyên d ng	5 - 7 ha

**Ph 1 c II**  
**QUY HO CH CÁC TRUNG TÂM LOGISTICS TRÊN A BÀN C N C**  
**NN M 2020, NH H NG NN M 2030**  
*(Ban hành kèm theo Quy t nh s 1012/Q -TTg ngày 03 tháng 7 n m 2015 c a Th t ng Chính ph )*

<b>TT</b>	<b>Tên d án</b>	<b>H ng</b>	<b>Di n tích m t b ng</b>
<b>I</b>	<b>VÙNG NG B NG SÔNG H NG</b>		
1	TT logistics B c Hà N i	I	20 - 30 ha (giai o n I) và trên 50 ha (giai o n II)
2	TT logistics Nam Hà N i	II	15 - 20 ha (giai o n I) và trên 30 ha (giai o n II)
3	TT logistics trên hành lang kinh t ven bi n ông Nam B c b	II	10 ha (giai o n I) và 30 ha (giai o n II)
4	TT logistics trên hành lang kinh t ven bi n ông B c B c b	II	20 ha (giai o n I) và 40 ha (giai o n II)
5	TT logistics chuyên d ng hàng không thu c vùng ng b ng Sông H ng (g n v i C ng hàng không qu c t N i Bài)	Chuyên d ng	5 - 7 ha (giai o n I) và trên 7 ha (giai o n II)
<b>II</b>	<b>VÙNG TRUNG DU VÀ MI N NÚI PHÍA B C</b>		
1	TT logistics trên hành lang kinh t Hà N i - L ng S n	II	10 ha (giai o n I) và 20 ha (giai o n II)
2	TT logistics trên hành lang kinh t Hà N i - Lào Cai	II	20 ha (giai o n I) và 30 ha (giai o n II)

3	TT logistics trên hành lang kinh tế Tây Bắc Bắc Bộ	II	10 ha (giai đoạn I) và 20 ha (giai đoạn II)
<b>III VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG</b>			
1	TT logistics khu vực thành phố Hà Nội	I	30 - 40 ha (giai đoạn I) và trên 70 ha (giai đoạn II)
2	TT logistics trên hành lang kinh tế đường 8, đường 12A và duyên hải Bắc Trung Bộ	II	20 ha (giai đoạn I) và 40 ha (giai đoạn II)
3	TT logistics trên hành lang kinh tế đường 9	II	10 ha (giai đoạn I) và 20 ha (giai đoạn II)
4	TT logistics trên hành lang kinh tế đường 14B	II	10 ha (giai đoạn I) và 20 ha (giai đoạn II)
5	TT logistics trên hành lang kinh tế đường 19 và duyên hải Nam Trung Bộ	II	20 ha (giai đoạn I) và 30 ha (giai đoạn II)
6	TT logistics chuyên dùng hàng không thu hẹp khu vực thành phố Hà Nội (gần khu vực Cảng hàng không quốc tế Hà Nội)	Chuyên dùng	3 - 4 ha (giai đoạn I) và 7 - 8 ha (giai đoạn II)
<b>IV VÙNG TÂY NGUYÊN</b>			
	TT logistics trên hành lang kinh tế Đông Trường Sơn	II	10 ha (giai đoạn I) và 20 ha (giai đoạn II)
<b>V VÙNG ĐÔNG NAM BỘ</b>			
1	TT logistics khu vực thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận (phía Bắc thành phố)	II	40 - 50 ha (giai đoạn I) và 70 ha (giai đoạn II)

2	TT logistics khu vực thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận (phía Nam thành phố)	II	40 - 50 ha (giai đoạn I) và 70 ha (giai đoạn II)
3	TT logistics tiểu vùng kinh tế các tỉnh Đông Bộ thành phố Hồ Chí Minh	I	60 - 70 ha (giai đoạn I) và trên 100 ha (giai đoạn II)
4	TT logistics chuyên dùng hàng không thu cước khu vực thành phố Hồ Chí Minh (gần với Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Long Thành)	Chuyên dùng	3 - 4 ha (giai đoạn I) và 7 - 8 ha (giai đoạn II)
<b>VI</b>	<b>VÙNG ĐÔNG BẮC SÔNG CỬU LONG</b>		
1	TT logistics tiểu vùng kinh tế các tỉnh Tây Nam thành phố Hồ Chí Minh (thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long)	II	20 ha (giai đoạn I) và trên 50 ha (giai đoạn II)
2	TT logistics thu cước tiểu vùng kinh tế trung tâm đồng bằng sông Cửu Long	II	30 ha (giai đoạn I) và 70 ha (giai đoạn II)